|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ĐẠI HỌC HUẾ  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT** |  | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  |  | *Thừa Thiên Huế, ngày tháng 9 năm 2017* |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**I. THÔNG TIN CHUNG**

**1. Tên học phần:**

2. Mã học phần:

3. Số Tín chỉ:

4. Ngành đào tạo: Luật

5. Đơn vị phụ trách: Khoa

6. Điều kiện về học phần:

**II. NỘI DUNG**

**1. Thông tin về giảng viên**

**a) Giảng viên 1:**

Họ và tên:

Chức danh, học hàm, học vị:

Thời gian, địa điểm làm việc:

Địa chỉ liên hệ:

Điện thoại: E-mail:

Các hướng nghiên cứu chính:

Trợ giảng (nếu có):

**b) Giảng viên 2:**

**c) Giảng viên 3:**

**2. Thông tin chung về học phần**

Tên học phần: Tên tiếng Anh:

Áp dụng cho ngành: Luật

Mã học phần:

Số tín chỉ:

Yêu cầu của học phần: (bắt buộc hay tự chọn)

Học phần tiên quyết (nếu có):

Các yêu cầu khác đối với học phần:

Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

- Nghe giảng lý thuyết:

- Làm bài tập, bài kiểm tra trên lớp:

- Thảo luận:

- Tự học, tự nghiên cứu:

Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn ....., Khoa ....

**3. Mục tiêu của học phần**

3.1. Mục tiêu đào tạo chung của học phần

- Kiến thức:

- Kỹ năng:

- Thái độ:

*{Mục tiêu đào tạo chung của học phần viết từ ½ đến 1 trang giấy A4}*

3.2. Mục tiêu đào tạo cụ thể về kiến thức của học phần

{*Viết cho từng ý quan trọng của từng chương, vấn đề}*.

**4.** **Tóm tắt nội dung học phần**

*{Viết tóm tắt nội dung học phần trong khoảng dưới 150 từ, bao gồm các khái niệm, lý thuyết phạm trù, lý thuyết chính của nội dung học phần, các phương pháp nghiên cứu, thành tựu và triển vọng của học phần đó. Phần tóm tắt này sẽ được in trong mục giới thiệu học phần của sổ tay sinh viên}*

**5. Nội dung chi tiết học phần**

Liệt kê nội dung chi tiết của học phần theo từng chương, mục, tiểu mục hoặc theo các vấn đề chính của học phần.

**6. Học liệu**

6.1. Học liệu bắt buộc:

6.2. Tài liệu tham khảo:

*Lưu ý:*

*- Học liệu bắt buộc tối thiểu là một học liệu (bài giảng, giáo trình hiện hành).*

*- Tài liệu tham khảo xác định cho từng nội dung và hình thức chính của dạy-học. Có thể ghi rõ các phần hoặc các trang quan trọng trong tài liệu tham khảo, giúp sinh viên thuận tiện trong việc nghiên cứu tài liệu.*

*- Học liệu bắt buộc và học liệu tham khảo ghi theo thứ tự ưu tiên (tên tác giả, tên sách, nhà xuất bản, năm xuất bản, nơi có tài liệu này, websites, băng hình…)*

*- Học liệu phải có ở thư viện Trường. Trường hợp thư viện không có, người biên soạn đề cương cung cấp để thư viện sao lưu (đảm bảo các tiêu chí về ĐBCLGD).*

**7. Hình thức tổ chức dạy - học**

*{Đây là nội dung rất quan trọng đối với giáo viên, sinh viên và người quản lý. Mỗi nội dung kiến thức đều được tổ chức dạy dưới các hình thức chủ yếu như: lý thuyết, bài tập, thảo luận, hoạt động theo nhóm và tự học, tự nghiên cứu…. Mỗi nội dung trong lịch trình dạy-học, phải xác định được* ***số giờ tín chỉ*** *sẽ thực hiện ở từng hình thức trên}.*

**LỊCH TRÌNH DẠY – HỌC**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Nội dung** | **Hình thức tổ chức  dạy - học** | | | | **SV chuẩn bị trước khi đến lớp** | **Ghi chú** |
| **Giờ lên lớp** | | | Tự học, tự ng/cứu |
| Lý thuyết | Bài tập | Thảo luận |
| Tuần 4 | Chương 2: Chủ thể của Luật dân sự  2.1. Các loại chủ thể của Luật Dân sự  2.2. Đại diện | 2 | 0 | 1 | 0 | Đọc trước và chuẩn bị các câu hỏi và tình huống chương 2  [3] các Điều từ 14- 120. |  |
| Tuần 5 | Chương 3: Tài sản và quyền sở hữu  3.1. Tài sản | 2 | 1 | 0 | 0 | *Phương pháp giải bài tập tình huống chương 2 + thực hành.*  [3] các Điều từ 163 đến 276 |  |

*\* Phần tự học, tự nghiên cứu phải có nội dung, câu hỏi hoặc đề cuơng cụ thể (một giờ học ở lớp bố trí 2 giờ tự học, tự nghiên cứu).*

**8. Chính sách đối với học phần và các yêu cầu của giảng viên**

*{Yêu cầu và cách thức đánh giá, sự hiện diện trên lớp, mức độ tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, các quy định về thời hạn, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra…}*

**9. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập**

9.1. Hình thức kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Áp dụng thang điểm 10, phân chia các mục tiêu cho từng hình thức kiểm tra, đánh giá, bao gồm các phần sau:

- Điểm đánh giá quá trình học tập: ***40%*** số điểm, trong đó:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Quy định** | **Trọng số** | **Ghi chú** |
| 1 | Điểm chuyên cần | Số tiết tham gia/tổng số tiết | 10% |  |
| 2 | Thái độ học tập, tích cực thảo luận | Tích cực phát biểu trên lớp, trả lời đúng các câu hỏi của giảng viên (tương đương 1 tín chỉ/ 1 lần phát biểu, trả lời) | 10% |  |
| 3 | Bài kiểm tra, bài tập nhóm, thuyết trình | Làm bài kiểm tra trên lớp (1 TC/ bài kiểm tra 60’); làm bài tập ở nhà; tham gia làm bài tập nhóm, thuyết trình | 20% |  |

- Thi cuối kỳ:***60%*** số điểm.

+ Hình thức thi: Thi viết

+ Đề thi: Sử dụng hệ thống ngân hàng đề thi.

9.2. Lịch trình kiểm tra định kỳ, thi cuối kỳ.

- Bài kiểm tra: sau khi kết thúc chương hoặc các chương (khoảng 15 tiết tương đương 1 tín chỉ kiểm tra một lần);

- Thi cuối kỳ: sau tuần thứ 15 theo lịch bố trí của Nhà trường.

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **HIỆU TRƯỞNG**  **Duyệt**  **PGS.TS. Đoàn Đức Lương** |  | **TRƯỞNG KHOA**  *(Ký, ghi rõ họ tên)* |  | **NGƯỜI THẨM ĐỊNH**  *(Ký, ghi rõ họ tên)* |  | **NGƯỜI BIÊN SOẠN**  *(Ký, ghi rõ họ tên)* |